TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **668/**2019/HNGĐ-ST
Ngày: 29-10-2019
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Hiếu Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Cúc;

2. Bà Đỗ Thị A.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thảo Sương – Thư ký Toà án nhân dân Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 tham gia phiên tòa: Bà Mạnh Thị Tú Uyên – Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 10 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 465/2019/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2019 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 174/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 12/9/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 129/2019/QĐST - HNGĐ ngày 09/10/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ông Thi Chí T, sinh năm 1958.

(Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn*: Bà Trần Thị H, sinh năm 1960.

(Vắng mặt lần thứ 2 không có lý do)

Cùng thường trú: Đường P, Phường M, Quận U, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/7/2019 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn ông Thi Chí T trình bày: Ông và bà H chung sống với nhau từ năm 1983, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn An Lạc, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh (nay là phường An Lạc, quận Bình Tân). Từ khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, cách sống hoàn toàn khác nhau không thể dung hợp. Nay tình cảm vợ chồng không còn hàn gắn được nên đề nghị Tòa án cho ông được ly hôn với bà H.

- Về con chung: Ông T xác định ông và bà H không có con chung

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông T xác định không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết hợp lệ, đầy đủ các văn bản tố tụng cho bà Trần Thị H nhưng bà không nộp văn bản trình bày ý kiến,

không đến Tòa án lần nào. Tòa án cũng đã tiến hành hai phiên hòa giải nhưng không hòa giải được, do ông T có mặt, còn bà H vắng mặt không lý do. Tại phiên tòa hôm nay, dù đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tống đạt xét xử lần 2 hợp lệ nhưng bà H vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt bà H.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết chấp nhận đơn xin ly hôn của ông Thi Chí T.

- Về con chung: Không xem xét giải quyết

- Về tài sản và nợ chung: Không xem xét giải quyết

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1 Do bị đơn bà Trần Thị H có địa chỉ cư trú tại Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10. Ông T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bà H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T và bà H.

1.2 Về quan hệ hôn nhân: ông Thi Chí T và bà Trần Thị H tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường An Lạc, quận Bình T, Tp. Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 41 cấp ngày 03/5/1983. Do đó, hôn nhân của ông bà là hợp pháp.

[2] Về nội dung:

2.1 Xét yêu cầu xin ly hôn của ông T, Hội đồng xét xử thấy :

Tại bản tự khai và các biên bản không tiến hành hòa giải được, ông T trình bày, vợ chồng sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Nguyên nhân là do cuộc sống vợ chồng thường xuyên cãi nhau, cách sống hoàn toàn khác nhau không thể dung hợp.

Về phía bà H, mặc dù đã được Tòa án tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng bà H không nộp văn bản trình bày ý kiến, không đến Tòa trình bày ý kiến, nguyện vọng, thể hiện tình cảm và mong muốn hàn gắn tình cảm gia đình. Điều này cho thấy bà H không tôn trọng pháp luật và không có thiện chí đoàn tụ vợ chồng.

Do đó, xét thấy khả năng đoàn tụ vợ chồng không còn, nên yêu cầu ly hôn của ông T là có cơ sở để chấp nhận.

2.2 Về con chung: Căn cứ vào lời khai của ông T thì ông T và bà H không có con chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2.3 Về tài sản chung, nợ chung: Theo lời khai của ông T xác nhận thì vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung. Tòa án không tiến hành ghi lời khai của bà H

được nên chưa có đủ căn cứ xác định vợ chồng có tài sản chung hay không. Do vậy, Tòa án không xem xét giải quyết về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng.

[3] Về án phí: Ông T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Thi Chí T được ly hôn với bà Trần Thị H (Giấy chứng nhận kết hôn số 41 do Ủy ban nhân dân phường An Lạc, quận Bình T cấp ngày 03/5/1983).

- Về con chung: Không xem xét giải quyết
- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Ông Thi Chí T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số: AA/2018/0017554 ngày 03/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10. Ông T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 10;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10;
- UBND P.An Lạc, Q.Bình T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mai Hiếu Hạnh